

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 18-9-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín .

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Thanh Châu.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6-
Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công
khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
35/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà
Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A1
Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng
Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN “V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa
vụ tố tụng và thi hành án”).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng
A1 Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023).
Ông V1 có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn G, xã B, tỉnh
Quảng Ngãi. (Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A1) trình bày:*

- Ngày 06/7/2022, bà Phạm Thị A ký Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200998 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10%/năm. Đến ngày 18/9/2025, dư nợ gốc là 290.000.000 đồng, lãi là 41.101.767 đồng, tổng cộng 333. 101.767 đồng.

- Ngày 28/6/2024, bà Phạm Thị A tiếp tục vay 185.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202400862, thời hạn 60 tháng, lãi suất 10%/năm. Đến ngày 18/9/2025, dư nợ gốc là 185.000.000 đồng, lãi là 23.588.387 đồng, tổng cộng 208. 588.387 đồng.

Tổng cộng đến ngày 18/9/2025, bà A còn nợ A1 số tiền 539.690.154 đồng (gồm 475.000.000 đồng nợ gốc và 64. 690.154 đồng nợ lãi).

Về biện pháp bảo đảm:

- Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200998 ngày 06/7/2022 được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DE284993, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 28, diện tích 118,7m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202400862 ngày 28/6/2024 vay theo cơ chế tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà A trả toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/9/2025 của hai hợp đồng vay với tổng số tiền 539.690.154 đồng (gồm 475.000.000 đồng nợ gốc và 64. 690.154 đồng nợ lãi); tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết; trường hợp không trả thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký. Đồng thời, buộc bà A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.000.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm.

** Tại bản tự khai ngày 25/6/2025 bị đơn bà Phạm Thị A trình bày:*

Bà A thừa nhận có vay A1 theo các hợp đồng tín dụng trên và hiện còn nợ A1 số tiền 475.000.000 đồng nợ gốc tính đến ngày 13/01/2025 như Ngân hàng khởi kiện là đúng, còn tiền lãi thì bà không rõ là bao nhiêu, vì tính đến ngày 08/7/2024 bà mới trả cho ngân hàng được 10.000.000 đồng tiền gốc và 66.536.952 đồng tiền lãi cho khoản vay 06/7/2022, còn đối với khoản vay ngày 28/6/2024 từ khi vay đến nay bà chưa trả được gốc, lãi nào. Bà A trình bày do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán, nay ngân hàng khởi kiện đòi số tiền vay trên thì bà không có ý kiến gì, bà chỉ xin ngân hàng gia hạn

cho bà thêm 03 tháng để bà kiểm tiền trả cho ngân hàng, quá thời hạn nêu trên mà bà không có tiền để trả thì bà đồng ý giao tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DE284993, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 28, diện tích 118,7m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã B, tỉnh Quảng Ngãi) để ngân hàng bán thu hồi nợ, trường hợp bán tài sản trên không đủ thì bà tiếp tục trả thêm cho ngân hàng, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng Điều 227, 228 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định bà Phạm Thị A còn nợ A1 539.690.154 đồng (475.000.000 đồng gốc, 64.690.154 đồng lãi). Bị đơn thừa nhận nợ gốc và đồng ý giao tài sản thế chấp khi không trả được nợ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A1. Buộc bà Phạm Thị A thanh toán cho A1 toàn bộ nợ gốc và lãi trên, cùng lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp không trả được thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Buộc bà Phạm Thị Anh C chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ nay là Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ giữa A1 và bà Phạm Thị A phát sinh từ hợp đồng tín dụng, được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017) nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Về nội dung vụ án:

- Ngày 06/7/2022, bà Phạm Thị A ký Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200998 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất

10%/năm. Đến ngày 18/9/2025, dư nợ gốc là 290.000.000 đồng, lãi là 41.101.767 đồng, tổng cộng 333. 101.767 đồng.

- Ngày 28/6/2024, bà Phạm Thị A tiếp tục vay 185.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202400862, thời hạn 60 tháng, lãi suất 10%/năm. Đến ngày 18/9/2025, dư nợ gốc là 185.000.000 đồng, lãi là 23.588.387 đồng, tổng cộng 208. 588.387 đồng.

Tổng cộng đến ngày 18/9/2025, bà A còn nợ A1 số tiền 539.690.154 đồng (gồm 475.000.000 đồng nợ gốc và 64. 690.154 đồng nợ lãi).

Về biện pháp bảo đảm:

- Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200998 được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DE284993, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 28, diện tích 118,7m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202400862 vay theo cơ chế tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP.

[2.1]. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Phạm Thị A đã ký kết các hợp đồng vay vốn với A1, thừa nhận tại bản tự khai ngày 25/6/2025 rằng có vay và còn nợ đúng số tiền mà A1 khởi kiện. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, yêu cầu của A1 buộc bà A trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến 18/9/2025 với tổng số tiền 539.690.154 đồng (trong đó: 475.000.000 đồng gốc, 64.690.154 đồng lãi) là có căn cứ.

[2.2]. Về yêu cầu xin gia hạn 03 tháng: Đây chỉ là nguyện vọng đơn phương của bà A, không được A1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 10%/năm, phù hợp với quy định pháp luật. Yêu cầu của A1 buộc bà A tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi tất toán các khoản vay là có cơ sở.

[2.4]. Về xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà A và A1 được ký kết hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Trường hợp bà A không thanh toán được khoản nợ thì A1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015.

[2.5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: A1 đã tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng, Tòa án đã chi xong. Do yêu cầu của A1 được chấp nhận nên bà Phạm Thị A phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho A1 khoản chi phí này.

[2.6]. Về án phí: Giá trị nghĩa vụ mà bà Phạm Thị A phải thực hiện là 539.690.154 đồng. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: 20.000.000 đồng đối với 400.000.000 đồng

đầu tiên; 4% của phần giá trị vượt quá 400.000.000 đồng (tức 139.690.154 đồng x 4% = 5.587.606 đồng). Tổng cộng án phí bà Phạm Thị A phải chịu là: 25.587.606 đồng (làm tròn: 25.588.000 đồng), (Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 158, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.
2. Buộc bà Phạm Thị A phải trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 539.690.154 đồng (gồm 475.000.000 đồng nợ gốc và 64.690.154 đồng nợ lãi) (*năm trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, một trăm năm mươi tư đồng*).
3. Buộc bà Phạm Thị A phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200998 ngày 06/7/2022 và Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202400862 ngày 28/6/2024, kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.
4. Trường hợp bà Phạm Thị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số DE284993, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 28, diện tích 118,7m² tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã B, tỉnh Quảng Ngãi), để thu hồi nợ.
5. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ, bà Phạm Thị A phải tiếp tục trả cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Phạm Thị A phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 6.000.000 đồng mà Ngân hàng N đã tạm ứng và Tòa án đã chi xong.

7. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị A phải chịu 25.588.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N thông qua người đại diện ông Nguyễn Thế V1 số tiền tạm ứng án phí 12.171.000 đồng (*mười hai triệu, một trăm bảy mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001620 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tư (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6- Quảng Ngãi)

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan